

# BẢN CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC

ThS. NGUYỄN GIANG NAM\*

**T**ự học (TH) (Independent Learning, Self-directed Learning, Self-managed Learning) là vấn đề được quan tâm trong lý luận dạy học ở nước ta. Hình thành, phát triển năng lực tự học (NLTH) cho người học là nhiệm vụ của dạy học hiện đại và là nhu cầu của người học trong xã hội hiện nay. NLTH là một trong những dạng năng lực cần hình thành cho sinh viên (SV) trong các trường đại học để sau này họ có thể học ở mọi nơi, mọi lúc, có thể tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng sự đổi mới trong nghề mà họ đang làm.

NLTH thuộc loại năng lực thực hiện hành động của cá nhân, nó khác với các loại năng lực khác của người học được hình thành trong quá trình học tập ở nhà trường. Trước khi xác định bản chất và đặc điểm NLTH của SV đại học cần phải làm rõ hiện tượng và bản chất của TH.

## 1. Hiện tượng và bản chất của TH

**1) Hiện tượng TH:** có hai kiểu chủ yếu: - *TH ngẫu nhiên*, tức là thấy gì hay, thấy ích lợi thì học cái ấy. Đây là kiểu TH vô cùng phổ biến và ít nhiều ở bất cứ ai cũng có hiện tượng này (ví dụ trẻ em hay học những thứ khác thường mà người lớn không hề biết, không phát hiện được, không ngờ đến và không biết ai dạy); - *TH có tầm nhìn và giải pháp chiến lược* - việc học được đề ra như một kế hoạch chiến lược và tự người học quản lý việc thực hiện kế hoạch đó. Nhà trường có trách nhiệm tập trung vào rèn luyện NLTH kiểu chiến lược cho người học, ngay từ những năm tiểu học cho đến đại học.

**2) Bản chất của TH:** Nguyên tắc bản chất nhất giúp phân biệt TH và học tập bình thường là *tính chất độc lập* của việc học (không phụ thuộc trực tiếp vào thầy) và *tính tự nguyện* của người học (không do ai và cái gì ép buộc). Khái niệm TH có thể được hiểu ngắn gọn như sau: *TH là việc học có tính chất độc lập, không phụ thuộc trực tiếp vào thầy, và được người học tiến hành hoàn toàn tự nguyện do nhu cầu, lợi ích hay hứng thú của chính mình thúc đẩy.*

**a) Tính chất độc lập của việc học trong quá trình TH được xét theo nhiều liên hệ khác nhau:** - Tính độc lập của mục đích và giá trị học vấn mong muốn, tức là học cái gì và học để làm gì là do người học quyết định; - Tính độc lập về mặt quản lý (kế hoạch, cách thức

quản lý, thời gian, không gian và các điều kiện khác), tức là không có ai khác trực tiếp quản lý, mà do người học tự quản lý; - Tính độc lập của cách thức học tập (KN và phương pháp học tập), tức là học như thế nào là do người học lựa chọn; - Tính độc lập của phương tiện và môi trường học tập, tức là học ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào và bằng bất cứ cái gì thấy chấp nhận được là do người học phán xét.

**b) Tính tự nguyện của người học có thể thấy được qua những yếu tố sau:** - Tác động của động cơ học tập cá nhân, tức là vì cái gì hay vì ai mà học là do người học giác ngộ, không bị áp đặt; - Thái độ thiện chí và tính sẵn sàng cao với việc học của mình; - Tình cảm mạnh mẽ và khát vọng sáng tạo trong học tập; - Ý chí bền bỉ, không nản lòng trước khó khăn khi học tập; - Tính chất tự nhiên của quá trình học tập: linh hoạt, cơ động, trong sáng, toàn tâm toàn ý, thậm chí là vui vẻ sáng khoái trong học tập, không bị áp lực ngay cả khi việc học rất vất vả, nặng nhọc.

## 2. Bản chất và đặc điểm của NLTH

**1) Bản chất của NLTH.** Khi nhắc đến NLTH, trên thực tế chúng ta thường đồng nhất nó với các khái niệm như khả năng TH hay kĩ năng (KN) TH. Xác định bản chất của NLTH, cần căn cứ vào bản chất của việc TH nêu trên và làm rõ hai vấn đề sau:

**a) NLTH không phải là KN TH.** Trong nhiều tài liệu viết về vấn đề này thường có sự nhầm lẫn giữa NLTH và KN TH hoặc xác định chưa rõ ràng. Nguyên nhân là chưa chỉ ra bản chất của năng lực và KN.

Năng lực nói chung luôn được xem xét trong mối quan hệ với dạng hoạt động hoặc quan hệ nhất định nào đó. Theo (1) năng lực được cấu thành từ những bộ phận cơ bản: tri thức về lĩnh vực hoạt động hay quan hệ đó; KN tiến hành hoạt động hay xúc tiến, ứng xử với quan hệ nào đó; những điều kiện tâm lý để tổ chức và thực hiện tri thức, KN đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một định hướng rõ ràng (chẳng hạn ý chí, tình cảm và thái độ đối với nhiệm vụ), hoặc nói chung là tính tích cực trí tuệ, tính tích cực giao tiếp, tính tích cực học tập.

Mỗi một thứ trong ba cấu tạo tâm lý nêu trên khi tách riêng nhau ra đều là những dạng chuyên biệt

\* Trường Đại học công nghiệp Hà Nội

của năng lực: có loại năng lực ở dạng tri thức (năng lực biết), có loại năng lực ở dạng KN (năng lực làm), và có loại năng lực ở dạng xúc cảm, biểu cảm (năng lực biểu cảm). Kết hợp cả ba thứ lại vẫn là năng lực, nhưng mang tính chất hoàn thiện hơn, khái quát hơn.

Điều hay gây nhầm lẫn giữa KN và năng lực chính là việc không phân biệt dạng thức của năng lực một cách rõ ràng. Khi đã ở cấp chuyên biệt (quen được gọi là kĩ xảo) thì KN là dạng năng lực khác với tri thức.

Trong tiếng Anh có hai từ chủ yếu dùng để chỉ năng lực: ability (năng lực theo nghĩa của tâm lí học, tức là chức năng tâm lí có thể cho phép cá nhân thực hiện hoạt động); competency (competence) chỉ năng lực theo nghĩa thực hiện được công việc thực sự. Ability tương ứng với nghĩa của activity, còn competency tương ứng với nghĩa của performance. KN nói chung và KN học tập nói riêng là hình thái kép của cả hai loại năng lực này: nó vừa là cấu tạo tâm lí chuyên biệt ability, vừa là phương thức hành vi chuyên biệt của competency. Khi chẩn đoán tâm lí, người ta đánh giá ability, còn khi đánh giá công nhân, công chức trong công việc, người ta sử dụng competency. Chính vì vậy, chúng ta nhận thấy KN có bản chất tâm lí, nhưng có hình thức vật chất là hành vi hoặc hành động. Nói cách khác, nếu hiểu năng lực chỉ theo nghĩa tâm lí học thuần túy thì chưa biết cá nhân có thực sự được việc không, mà chỉ chẩn đoán được mức độ được việc có thể có mà thôi. KN mà chúng ta nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận được chính là biểu hiện đang diễn ra của competency.

Qua sự phân tích trên, năng lực (competency) được hiểu: *là tổ hợp những hành động vật chất và tinh thần tương ứng với dạng hoạt động nhất định dựa vào những thuộc tính cá nhân (sinh học, tâm lí và giá trị xã hội) được thực hiện tự giác và dẫn đến kết quả phù hợp với trình độ thực tế của hoạt động; KN: là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học - tâm lí khác của cá nhân (chủ thể có KN đó) như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay quy định.*

Như vậy, NLTH cho phép các nhân người học đạt được kết quả học tập như mong muốn và nó được thể hiện ở KN học tập của cá nhân chứ không phải ở KN TH. Bởi vì TH đâu phải là KN, mà là cả bản lĩnh con người, trong đó tích tụ các KN và kinh nghiệm học tập, ý chí, nghị lực, định hướng giá trị, tầm nhìn và giải pháp chiến lược, nhu cầu và khát vọng học tập, thiện chí và tình yêu với học vấn, và cuối cùng còn cả sức khỏe nữa, nhất là sức khỏe tâm thần.

b) NLTH cũng không phải khả năng TH. Trong nhiều tài liệu tâm lí và giáo dục có sự nhầm lẫn năng lực với cấu trúc tâm lí của năng lực. Khi ở hình thái tâm lí thì cá nhân chưa có năng lực mà chỉ có khả năng thôi và khả năng này có thể được phán xét dựa trên kết quả chẩn đoán. Còn năng lực là cái thể hiện ở quá trình tiến hành nhiệm vụ và kết quả công việc, và được đánh giá bằng kết quả thực hiện. Năng lực cũng không phải là trình độ cao hơn của khả năng, như nhiều sách bác tâm lí học vẫn khẳng định. Chúng là hai phạm trù khác nhau. Khả năng là phạm trù có thể xảy ra, còn năng lực là phạm trù thực hiện trên thực tế. Năng lực và khả năng chỉ giống nhau ở chỗ chúng đều phải có những điều kiện sinh học, tâm lí và xã hội tối thiểu.

Như vậy, khi nói đến NLTH chúng ta có thể liên tưởng ngay đến kết quả đạt được, chứ không còn ở mức độ có thể đạt được hoặc không đạt được kết quả đó như cách biểu hiện của khả năng.

NLTH của SV phức tạp hơn năng lực lao động thể chất rất nhiều. Nó rất gần với năng lực khoa học, năng lực nghiên cứu, năng lực thiết kế và sáng tạo. Về mặt bản chất NLTH là thuộc tính cá nhân có nguồn gốc sinh học, tâm lí và xã hội, nó cho phép cá nhân SV thực hiện thành công hoạt động TH, đạt được kết quả học tập như mong muốn.

2) **Đặc điểm NLTH của SV.** Nhận diện bản chất của việc TH và NLTH như đã trình bày ở trên, SV có NLTH hay người TH có đặc điểm sau: - *Tính thích hợp của các quá trình trí tuệ - tình cảm - ý chí - thể chất trong hoạt động học* (dù là học có thầy hay TH). Sự thích hợp này được xem vừa như cơ chế phát triển toàn diện cá nhân, vừa như kết quả hoạt động của người có NLTH. Ở SV TH, chúng ta luôn thấy những biểu hiện hài hòa của bốn thành tố trên. Riêng chúng tôi muốn nhấn mạnh đến ý chí, sự bền bỉ trong TH, nó có vai trò tối thiểu nhưng lại quyết định con người có thực sự học hay không; - *SV vượt ra khỏi chương trình đào tạo chính quy.* Nếu người TH vẫn tuân theo hay dựa vào chương trình chính quy, thì bao giờ mục tiêu của TH vẫn là nâng cao hơn, mở rộng hơn và vượt lên trên chương trình đó. Nhiều lĩnh vực TH hoàn toàn không nằm trong chương trình giáo dục chính quy, đặc biệt là nghệ thuật, võ thuật, các KN nghề thủ công, KN sống cụ thể, đặc biệt là những KN sinh hoạt, giao tiếp, giải trí, hoạt động xã hội...; - *Tính tích cực chủ thể nói chung và tính tích cực trí tuệ nói riêng.* SV TH bộc lộ tính mềm dẻo của phản ứng và sự điều chỉnh phản ứng trước vấn đề phải đương đầu nhưng vẫn đảm bảo tính logic và tính năng động dự trữ của tư duy. Đặc biệt là tính hoạt động của trí tuệ, tập trung ở bề sâu và độ bền bỉ của

suy ngẫm (Reflection), sức tập trung chú ý trong xử lý thông tin. Tính tích cực chủ thể và trí tuệ thể hiện ở một số KN quan sát được từ bên ngoài: + Nhanh chóng và chủ động xác định được mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ; + Linh hoạt, nhạy bén trong lựa chọn học liệu, phương tiện, nguồn lực; + Ý thức trách nhiệm cao về quyết định và về sự lựa chọn của mình; - Chu đáo trong việc chuẩn bị học tập và trong quá trình học; + Thích thu hút người khác cùng suy nghĩ, cùng làm việc hoặc tranh luận với mình; + Có phong cách tương đối độc đáo (cái riêng trong ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi, thái độ đối với học tập); - *Biết thích nghi*, là một đặc điểm dễ nhận thấy ở SV có NLTH. Đặc điểm này thể hiện tính năng động, tích cực của SV trong TH; luôn biết thay đổi mình để tiếp nhận những vấn đề mới trong học tập: Tri thức, KN, cách thức làm việc... đáp ứng nhu cầu phát triển của bản thân; - *Tính vững chắc và thường xuyên của cơ chế, KN kiểm tra, tự kiểm tra, đánh giá trong học tập*. SV biết kiểm tra, đánh giá những chi tiết của quá trình học, như: giá thuyết, lựa chọn quyết định, các cơ hội, phong cách hành vi, phương thức hành động, nhịp độ và hiệu suất vận hành (performance), những thay đổi về dữ kiện và quan hệ trong môi trường hoạt động... thì họ thực sự là người TH. Chính những phẩm chất cá nhân trong tự kiểm tra, tự đánh giá sẽ đưa người học vượt khỏi phạm vi những nhiệm vụ nhận thức thuần túy, vươn tới những giá trị sâu xa và rộng lớn hơn trong học tập; - *Tính cởi mở* (công khai) trong trách nhiệm cá nhân, nói cách khác tính trung thực với lòng mình, đặc biệt trước những chỗ yếu kém, bết tắc của mình trong học tập. Đây là điểm ưu việt trong tình cảm, đạo đức của SV học độc lập, tự giác, chủ động. Hiện nay tính công khai, cởi mở, quảng giao đang được xem là một dạng năng lực văn hóa - xã hội, kết hợp nhiều mặt khác của kinh nghiệm sống cá nhân (trí tuệ, tình cảm, ý chí, khả năng thẩm mỹ). Chúng tạo ra nhiều cơ hội cho học tập, tạo nhiều tác nhân kích thích, củng cố (theo thuyết phản xạ), tạo nhiều hoàn cảnh trải nghiệm cá nhân, vì vậy tạo nên nhân tố động lực cho TH; - *Tính sáng tạo*, mà một số biểu hiện dễ nhận thấy: lòng lạc quan hướng vào tương lai, hướng ngoại với lòng tự tin, ý thức sẵn sàng trước vấn đề mới và KN giải quyết vấn đề. SV hăng hái TH hầu hết đều mang một đức tính chung (tính mục đích và niềm hi vọng hạnh phúc trong tương lai) điều đó giúp họ kiên trì, xoay sở với những nhiệm vụ học tập. Những người học này thường có khát vọng tự hoàn thiện để chào đón tương lai, và đó là động lực thúc đẩy họ phát triển bản thân, làm giàu tri thức, kinh nghiệm và giá trị cá nhân; tất yếu là họ thường mang giá trị sáng tạo.

3. TH là loại năng lực thuộc năng lực hành động cá nhân, là năng lực cao cấp, quý giá, và có thể nói là tài sản vô giá của mỗi người. Bản chất của NLTH bao gồm các thuộc tính sinh học, tâm lý và xã hội, cho phép người học thực hiện độc lập, tự nguyện việc học đạt được mục đích và hiệu quả học tập. NLTH của SV đại học có những đặc điểm riêng, nó khác với các dạng năng lực khác được hình thành cho SV trong quá trình đào tạo. NLTH giúp SV thành công hơn trong học tập và trong cuộc sống, đồng thời giúp họ có thể học tập suốt đời để thích ứng với môi trường, xã hội tiến bộ ngày hôm nay và cho mai sau. Hình thành NLTH phụ thuộc vào các điều kiện bên trong: nhu cầu, hứng thú, động cơ, tính tích cực, ý chí, tình cảm... đối với việc học; các điều kiện bên ngoài: nội dung học tập, dư luận xã hội, phương pháp giáo dục, các nguồn lực học tập xã hội phong phú, môi trường học tập thân thiện.... Giáo dục NLTH cho SV là cần thiết, đồng thời là công việc khó khăn, lâu dài, phức tạp của nhà trường đại học. Hình thành NLTH là nhiệm vụ khổ luyện của SV trong các trường đại học, gắn liền với sự bền bỉ, nghị lực, ý chí của người học. □

1. Đặng Thành Hưng. "Hệ thống kĩ năng học tập hiện đại". *Tạp chí Giáo dục*, số 278/2004, tr. 25-27.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thành Hưng. "Bản chất và điều kiện của việc tự học". *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 78/2012
2. Đặng Thành Hưng. *Dạy học hiện đại: Lí luận - Biện pháp - Kỹ thuật*. NXB Đại học quốc gia, H. 2002.
3. Đặng Thành Hưng. "Bản chất của dạy học hiện đại". *Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục*, số 84/2001.
4. Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên). *Học và dạy cách học*. NXB Đại học sư phạm, H. 2001.
5. Paul Nash. *Philosophies of the Branches of Knowledge*. Boston University, 1995.
6. Osnitxki A.K. "Problemu issledovanija sub'ektivnoaktivnosti/Voprosu psikhologii". No 1, str. 5-19, 1996.

#### SUMMARY

*Self-study capability is asset, property of each person. Formation of self-study capability for learners in general, for university students in particular, are important tasks of the school nowadays. In order to help students have capability of their lifelong study, to meet the requirements in modern society. This article mentions and clarifies the nature of self-study, self-studycapability and out-standing features of people who have self-study capability, from which to be the basis of education, formation, assessment self-studycapability of university students in the current period.*